

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2024/DS-ST**

Ngày : 25.12.2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đỗ Đức Lâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 125/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về “*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 1952. Địa chỉ: Tổ 2, phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh D, sinh năm 1967. Địa chỉ: 11A LS, phường Lộc S, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 16, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1975. Địa chỉ Lô 55 CH2A Nguyễn CT, phường 2, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng

Ông D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đ trình bày:

Ngày 29/6/2021 ông Đ có cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng. Bà H có lập giấy mượn tiền, ký, ghi họ tên người vay và trực tiếp nhận tiền vay, hẹn năm 2022 sẽ trả nợ, nếu không trả đúng hạn thì phải chịu tiền lãi theo lãi suất 13%/tháng. Tuy nhiên sau khi vay, đã đến hạn trả nợ nhưng bà H không trả mặc dù ông Đ đã đòi nợ nhiều lần.

Ông Đ khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ gốc là 50.000.000 đồng, trả lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/10/2024 theo lãi suất 1,66%/tháng x 22 tháng x 50.000.000 đồng = 18.260.000 đồng. Cộng cả gốc và lãi ông Đ yêu cầu bà H trả là 68.260.000 đồng. Về việc bà H trình bày đã trả cho ông Đ 25.000.000 đồng tiền gốc là không đúng sự thật và không đồng ý.

Bị đơn bà H trình bày: Bà H và ông Đ trước đây là vợ chồng, đã ly hôn năm 2020. Năm 2021 bà H có vay của ông Đ số tiền 50.000.000 đồng và có viết giấy vay ngày 29/6/2021. Tuy nhiên đến ngày 31/8/2023 thì bà H đã trả được cho ông Đ số tiền 25.000.000 đồng, số tiền còn lại có hạn đến ngày 30/9/2023 sẽ trả hết. Nay bà H chỉ còn nợ ông Đ số tiền 25.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho ông Đ, không trả lãi, không đồng ý theo theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 29/8/2024 và ngày 08/11/2024 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Bà Lê Thị H thừa nhận bà và ông Nguyễn Văn Đ có mối quan hệ trước đây là vợ chồng, đã ly hôn năm 2021.

Tại “Giấy mượn tiền” ghi ngày 29/6/2021 D lịch thể hiện bên cho vay tiền là ông Nguyễn Văn Đ, bên vay tiền là bà Lê Thị H. Ông Đ cho bà H vay số tiền 50.000.000 đồng, hạn đến ngày này năm 2022 sẽ trả. Nếu đến hạn bà H không trả thì

phải chịu lãi suất là 13%/tháng, bà H đã nhận đủ tiền, ký ghi họ tên “Lê Thị H”. Giấy vay này các bên đều thừa nhận bà H viết, còn số tiền gốc bà H cũng thừa nhận có vay của ông Đ số tiền 50.000.000 đồng là đúng. Như vậy sự việc ông Đ cho bà H vay tiền là có thật.

Tuy nhiên ông Đ cho rằng đến hạn bà H không trả mặc dù ông đòi nợ nhiều lần. Còn bà H cho rằng ngày 31/8/2023 bà đã trả được cho ông Đ số tiền 25.000.000 đồng, chỉ còn nợ 25.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này. Xét tại giấy viết tay ghi ngày 31/8/2023 do bà H xuất trình thì có ghi nội dung bà H trả cho ông Đ số tiền 25.000.000 đồng, số tiền còn lại 25.000.000 đồng hẹn đến ngày 30/9/2023 bà H trả hết. Tuy nhiên giấy này đã bị gạch chéo bỏ nội dung viết phía dưới trong đó có gạch chéo từ dòng “còn 25.000.000 đ (hai trăm triệu) đến ngày 30-9-2023 cô H trả hết gốc...”, cuối nội dung giấy viết này có ghi chữ “bỏ” và đồng thời không có chữ ký, ghi họ tên của ông Đ, ông Đ không thừa nhận bà H trả nợ nên không có cơ sở bà H đã trả số tiền này cho ông Đ. Vì vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ gốc 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về thỏa thuận lãi và yêu cầu tính lãi của ông Đ thấy rằng: Tại “giấy mượn tiền” ngày 29/6/2021 thể hiện thời hạn bà H trả nợ cho ông Đ là ngày 29/6/2022, nếu quá hạn thì bà H phải chịu lãi theo lãi suất 13%/tháng. Như vậy tại giấy vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất nếu bà H chậm trả nợ. Tuy nhiên lãi suất này là cao so với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn tính lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm xét xử là có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên cần xem xét chấp nhận: Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/12/2024 là 23 tháng 25 ngày $\times 1,66\%/tháng \times 50.000.000 \text{ đồng} = 19.781.667 \text{ đồng}$.

Cộng cả gốc và lãi buộc bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ là 69.781.667 đồng.

3. Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.489.000 đồng (69.781.667 đồng $\times 5\%$).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 461, 464, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Lê Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 69.781.667 đồng (trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 19.781.667 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ nộp 3.489.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy